TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 20 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Tuấn Anh – Bí thư Đoàn xã B.

2/ Bà Nguyễn Thị Thuần – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*:** Ông H5 Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 - tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với:

- *Bị cáo:* Phan Hữu H1 - sinh ngày 28/01/2000 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số 291, khu 8, ấp 6, xã A, huyện Đ, Đồng Nai; nghề ngH1: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Ngọc H2 - sinh năm 1968 và bà Hồ Thị H3 – sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam từ ngày 23/9/2019 đến nay "có mặt".

- *Bị hại:* Cháu Ngô Nguyễn Hà P – sinh ngày 11/12/2006.

Người đại diện hợp pháp của cháu P: Chị Nguyễn Thị H4 – sinh năm 1983 (là mẹ ruột của cháu P).

Trú tại: tổ 2, khu 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Nai "có mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu P: Ông Đặng Bửu T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Đồng Nai "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD S (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C đường Phan Đăng Lưu,

phường 6, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty: Anh Trần Duy H5 – sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn Kinh Tế Mới, xã Lạc Xuân, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 7/2019, qua mạng xã hội Facebook, Phan Hữu H1 và cháu Ngô Nguyễn Hà P quen nhau, phát sinh tình cảm.

Vào khoảng 23 giờ ngày 22/9/2019 cháu P nhắn tin kêu H1 chở cháu đi chơi, H1 đồng ý. Khoảng 00 giờ ngày 23/9/2019, H1 điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 60B4-884.87 đến nhà thì gặp P đang đứng chờ đầu ngõ nên chở cháu P đi. Sau khi đi chơi và ăn uống xong, H1 chở cháu P vào nhà nghỉ Ngọc Anh (thuộc ấp 1, xã G, huyện Đ) để thuê phòng ngủ qua đêm. Khoảng 05 giờ cùng ngày, H1 thức dậy thì thấy cháu P đang xem điện thoại; thấy H1 thức giấc, cháu P kêu H1 quan hệ tình dục và dùng tay kích thích dương vật của H1. Sau đó, cả hai tự cởi quần (H1 cởi cả áo, cháu P không cởi áo); H1 dùng môi hôn và dùng tay sờ ngực cháu P được khoảng 01 phút thì ngồi dậy dùng dương vật đang cương cứng của mình cạ vào âm hộ cháu P và sau đó đưa dương vật vào âm hộ của cháu P để giao cấu. Giao cấu khoảng 01 phút thì H1 rút dương vật ra mang bao cao su vào và tiếp tục giao cấu với cháu P khoảng 04 phút thì H1 xuất tinh trong bao cao su. Sau đó cả hai đi tắm và ngủ đến 08 giờ thì dậy đi chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, biết gia đình cháu P đang đi tìm nên H1 chở cháu P về nhà cháu P.

Đến khoảng 13 giờ thì gia đình cháu P có đơn tố cáo hành vi của H1; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ, Phan Hữu H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Căn cứ bản kết luận pháp y về tình dục số 0873/TD/2019 ngày 24/9/2019 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận cháu Ngô Nguyễn Hà P: Màng trinh hình bán nguyệt, đường kính lỗ trinh 01 cm. Màng trinh rách cũ vị trí 04 giờ và 07 giờ, bờ mép viết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu. Kết quả xét nghiệm: không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSĐQ ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Phan Hữu H1 về "Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, việc tranh tụng diễn ra như sau:

- Kiểm sát viên giữ nguyên truy tố và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo H1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Kiểm sát viên còn nêu quan điểm xử lý về biện pháp tư pháp, dân sự và án phí theo quy định.

- Bị cáo H1 nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ông Đặng Bửu T có ý kiến: Đồng ý về phần tội danh, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề xuất; ông đề nghị Tòa án xem xét, bảo vệ quyền lợi của cháu P – là trẻ em, theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Về trách nhiệm dân sự, ông yêu cầu Tòa án buộc bị cáo H1 bồi thường cho cháu P: thiệt hại là chi phí đi lại giám định, phí giám định, chi phí khác, xét nghiệm với số tiền là 2.500.000đ và tiền tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở bằng 14.900.000đ; tổng cộng 17.400.000đ.

- Chị Nguyễn Thị H4 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại cơ quan điều tra, chị có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về mặt vật chất cho cháu P bằng 1.000.000đ nhưng trên thực tế, chị phải cùng cháu P đi giám định pháp y, đi xét nghiệm HIV tốn nhiều tiền nên chị đồng ý với trình bày của ông T; yêu cầu bị cáo bồi thường cho cháu P tổng cộng 17.400.000đ.

- Bị cáo có ý kiến: Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo yêu cầu của ông T, chị H4 với tổng số tiền 17.400.000đ. Xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 60B4-884.87 là tài sản của bị cáo nhưng đang trả góp cho Công ty Sai Son. Bị cáo đồng ý xử lý chiếc xe theo quy định của pháp luật.

- Anh Trần Duy H5 có ý kiến: Xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 60B4-884.87 do bị cáo H1 mua trả góp bằng cách thế chấp xe, trả dần tiền tại Công ty. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đang nợ Công ty số tiền vốn 34.625.500đ, tiền lãi là 8.570.097 đồng, phí bảo hiểm là 2.400.000đ; tổng cộng 45.595.608đ. Anh yêu cầu Tòa án giao P tiện trên cho Công ty để đảm bảo thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phan Hữu H1 và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phan Hữu H1 đã khai nhận tội; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 23/9/2019 tại nhà nghỉ Ngọc Anh ở ấp 1, xã G, huyện Đ, Phan Hữu H1 đã giao cấu với cháu Ngô Nguyễn Hà P – sinh ngày 11/12/2006. Tại thời điểm bị giao cấu, cháu P vừa tròn 12 tuổi, 09 tháng, 12 ngày.

Do đó, hành vi của bị cáo Phan Hữu H1 đã cấu thành "Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm T của hành vi phạm tội:

Xét thấy chỉ vì muốn thỏa mãn nhu cầu sinh lý cho bản thân, bị cáo Phan Hữu H1 bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu Ngô Nguyễn Hà P khi cháu P còn ở độ tuổi trẻ em vì tính đến ngày bị xâm phạm tình dục thì cháu P chưa đủ 13 tuổi. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, nhân phẩm và quyền bất khả xâm phạm tình dục của trẻ em mà còn gây mất trật tự trị an ở địa P tạo ra tâm lý H4ng mang lo sợ cho các bậc làm cha, làm mẹ trong việc trông nom và giáo dục con cái. Do đó Hội đồng xét xử phải xử lý nghiêm đối với bị cáo Phan Hữu H1 là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống sinh hoạt bình thường của xã hội một thời gian dài đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phan Hữu H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Về dân sự: Chị H4 yêu cầu bị cáo H1 bồi thường chi phí khám, giám định cho cháu P và bồi thường tổn thất tinh thần do bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm với 10 tháng lương cơ sở, tổng cộng 17.400.000 đồng; bị cáo đồng ý. Xét thấy thỏa thuận của bị cáo và đại diện bị hại là không trái đạo đức, phù hợp Điều 592 Bộ luật dân sự nên được Tòa án ghi nhận.

[5.2] Đối với xe mô tô biển số 60B4-884.87 cảu bị cáo H1 mua trả góp bằng cách thế chấp tại Công ty Tài chính TNHH HD S theo Hợp đồng thế chấp số 2W014488781 ngày 22/8/2019. Xét thấy chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo và không thuộc trường hợp dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và Tòa án không thể thu giữ, kê biên theo quy định tại Điều 128 Bộ luật hình sự để đảm bảo thi hành án cho cháu P. Tuy nhiên, xe đang thế chấp tại Công ty và Công ty không có lỗi trong việc giao xe cho bị cáo nên cần giao xe lại cho Công ty bán đấu giá để thu hồi nợ. Số tiền còn lại (nếu có), Công ty có trách nhiệm giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bị hại là phù hợp với Điều 14 Nghị quyết số 42/25017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các Tổ chức tín dụng và Điều 453 Bộ luật dân sự.

[6] Về quan điểm của Kiểm sát viên, của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại: là phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo H1 phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phan Hữu H1 phạm "Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi".

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 142; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 453, 692 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 42/25017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Hữu H1 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2019.

4. Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Phan Hữu H1 bồi thường cho cháu Ngô Nguyễn Hà P số tiền 17.400.000đ.

Giao xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số kiểm soát 60B4-884.87 (số máy 205110, số khung 204960) cho Công ty Tài chính TNHH HD S bán đấu giá để thu hồi số tiền 45.595.608đ. Số tiền còn lại (nếu có), Công ty có trách nhiệm giao nộp tài Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 870.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Hữu H1, chị Nguyễn Thị H4, ông Đặng Bửu T, Công ty Tài chính TNHH HD S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan.
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Xuân Hòa